TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 944/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm: 1973; nơi cư trú: 77 đường X, phường TT, thành phố V, tỉnh BR – VT (có mặt).

2. Bị đơn: Bà T, sinh năm: 1980; nơi cư trú: 77 đường X, phường TT, thành phố V, tỉnh BR – VT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông T trình bày:

Ông và bà T quen biết nhau từ năm 1998, sau thời gian tìm hiểu 04 năm thì ông bà đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường TT), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, ngày 23 tháng 8 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì ông phát hiện bà T chơi cờ bạc, số đề gây nợ nần, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2010, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông ngày càng gay gắt, bà T vẫn tiếp tục chơi

cờ bạc, số đề nên ông và bà T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ông cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng, khuyên ngăn bà T không nên chơi cờ bạc, để con cái có đầy đủ sự chăm sóc của cha mẹ nhưng không thành, vợ chồng ông tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, bà T đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho ông biết. Nay ông không còn tình cảm vợ chồng với bà T, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với Bà T.

Về con chung: Ông và bà T có một con chung tên K, sinh ngày 23-3-2003. Tại đơn khởi kiện ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng nhưng trong quá trình làm việc ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn bà T theo đúng quy định nhưng bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Bà T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Ông T và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, ngày 23 tháng 8 năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ năm 2006 do bà T chơi cờ bạc, số đề không quan tâm đến gia đình. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, ông và bà T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, bà T vẫn tiếp tục cờ bạc, số đề. Ông cũng đã hàn gắn tình cảm vợ chồng để con cái có đầy đủ cha mẹ nhưng không thành, vợ chồng ông tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, bà T đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho ông biết. Nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi ông T, bà T sinh sống có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương ông T, bà T có xảy ra mâu thuẫn nhưng khu phố không nắm được nội dung cụ thể vì các đương sự không trình báo. Khoảng một tháng gần đây bà T thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Điều này phù hợp với lời khai của ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập bà T đến làm việc nhưng bà T không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy bà T không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của ông T và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, ông T xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với bà T và tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông T với bà T là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: ông T với bà T có một con chung tên K, sinh ngày 23-3-2013. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu K hiện đang học và sống nội trú ở trường nội trú Khai Minh tại thành phố Hồ Chí Minh, cuối tuần về sống cùng ông T, cháu phát triển bình thường và được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu K và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ông T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà T.

Về con chung, cấp dưỡng: Ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, sinh ngày 23-3-2013; ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu K mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông T phải chịu 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001813 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; ông T đã nộp xong án phí.

Bà T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND P.2 (cũ), UBND P. Thắng Tam (mới), TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My